

## NGUỒN GỐC, LỊCH SỬ HÌNH THÀNH NGƯỜI TÀY Ở VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Hứa Đức Hội\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích nguồn gốc và quá trình hình thành của người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam trên cơ sở tổng hợp các tư liệu lịch sử, dân tộc học và kết quả nghiên cứu thực địa. Mục tiêu bài viết làm rõ quá trình hình thành cộng đồng người Tày thông qua nhận diện các thành phần nguồn gốc và những biến đổi lịch sử, văn hóa của tộc người. Kết quả cho thấy người Tày ở Đông Bắc Việt Nam không phải là một cộng đồng đơn nhất về nguồn gốc mà hình thành từ nhiều nhóm khác nhau, gồm: nhóm cư dân Tày tại chỗ có nguồn gốc từ khối Bách Việt cổ; nhóm có nguồn gốc từ người Nùng di cư dần được Tày hóa trong quá trình cộng cư lâu dài và nhóm từ người Kinh thông qua quá trình di dân, hòa huyết và đồng hóa trong lịch sử. Những kết quả này góp phần khẳng định sự hiện diện sớm và liên tục của cư dân Tày tại khu vực Đông Bắc, đồng thời, cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu lịch sử tộc người, nhận diện bản sắc văn hóa và các quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trong khu vực.

**Từ khóa:** Người Tày, nguồn gốc tộc người, lịch sử hình thành, Đông Bắc, Việt Nam.

**Abstract:** The article draws on a synthesis of historical records, ethnographic materials, and the author's fieldwork data. It aims to elucidate the process of formation of the Tay community by identifying its constituent origins, along with its historical and cultural transformations over time. The findings indicate that the Tay in Northeastern Vietnam do not constitute a homogeneous community in terms of origin; rather, they emerged from the interaction and integration of several groups, including: an indigenous Tay population believed to have originated from the ancient Baiyue; groups of Nung migrants who were gradually assimilated into the Tay community through long-term co-residence; and groups originating from Kinh people who became integrated into Tay society through migration, intermarriage, and assimilation during the course of history. These results affirm that the early and continuous presence of Tay residents in Northeastern Vietnam; concurrently, it provides more scientific arguments for advancing research on the ethnic history of Tay people, as well as for identifying their cultural identity and the broader processes of cultural exchange and acculturation in the region.

**Keywords:** Tay people, ethnogenesis, ethnic origin, historical Formation, Northeastern Vietnam.

Ngày nhận bài: 2/2/2026; ngày phản biện: 9/2/2026; ngày duyệt đăng: 10/3/2026.

---

\* Trường Đại học Tân Trào. Email: HDHoi@tqu.edu.vn.

## MỞ ĐẦU

Đông Bắc Việt Nam là khu vực cư trú của nhiều tộc người với đời sống văn hóa phong phú và đa dạng. Trong cơ cấu dân cư của vùng, người Tày là một trong những cộng đồng có dân số đông, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người Tày trên cả nước. Trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, cộng đồng này chịu sự chi phối sâu sắc của điều kiện tự nhiên, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với các tộc người cùng cư trú và các làn sóng di cư diễn ra trong khu vực. Bên cạnh đó, hệ tư tưởng tam giáo gồm Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo cũng có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống văn hóa - xã hội của người Tày. Vì vậy, việc nghiên cứu nguồn gốc và lịch sử tộc người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam không chỉ góp phần làm sáng tỏ tiến trình hình thành, tồn tại và biến đổi của cộng đồng này, mà còn tạo cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Tày nói riêng, cũng như các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Nghiên cứu về nguồn gốc và lịch sử người Tày ở Việt Nam đã được nhiều học giả quan tâm với các công trình tiêu biểu của Lã Văn Lô (1964), Nguyễn Thị Yên (2009), Hà Đình Thành (chủ biên, 2010), La Công Ý (2010), Nguyễn Thị Hải (2011),... Các công trình này đã góp phần làm rõ nhiều phương diện liên quan đến nguồn gốc, lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng của người Tày. Trong đó, chủ yếu tập trung vào những nghiên cứu trường hợp tại các địa phương cụ thể hoặc đặt người Tày trong mối quan hệ so sánh với các tộc người có quan hệ gần gũi như Nùng và Thái, qua đó nhận diện những đặc trưng lịch sử và văn hóa của cộng đồng này. Từ các kết quả nghiên cứu đã được công bố, có thể rút ra một số nhận định cơ bản: người Tày được xem là một trong những cộng đồng cư dân có mặt khá sớm ở miền Bắc Việt Nam, ít nhất từ cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, đồng thời, là một bộ phận cư dân quan trọng trong không gian của nước Việt cổ. Nhiều nghiên cứu cho rằng người Tày có quan hệ nguồn gốc gần gũi với người Choang ở vùng Lương Quảng (Nam Trung Quốc), cùng thuộc khối Bách Việt cổ - một cộng đồng cư dân rộng lớn từng cư trú ở khu vực Nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam ngày nay. Trong tiến trình lịch sử, bộ lạc Tây Âu được xem là tiền thân của người Tày cổ đã hợp nhất với bộ lạc Lạc Việt của người Việt cổ để hình thành nên nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương Thục Phán, nhà nước sơ khai đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Sau đó, cùng với những biến động lịch sử và xã hội, một bộ phận cư dân Tày cổ cư trú ở vùng thượng du Bắc Bộ đã hòa nhập vào cộng đồng tiền Việt - Mường, góp phần hình thành nên tộc người Việt (Kinh) ngày nay. Song song với quá trình đó, cộng đồng người Tày vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển với tư cách là một tộc người riêng biệt, đồng thời, tăng cường tiếp xúc và giao lưu văn hóa, ngôn ngữ với người Việt và dần phân hóa với người Choang ở phía Bắc (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2020, tr. 20-21). Cách tiếp cận này cho thấy quá trình hình thành tộc người Tày là một tiến trình lịch sử phức hợp, vừa gắn với những yếu tố hình thành lâu đời trong khu vực, vừa chịu tác động của các quá trình giao lưu, tiếp biến và phân hóa tộc người trong không gian rộng lớn của khối Bách Việt cổ.

Để thực hiện bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh để có cái nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, còn sử dụng phương pháp điền dã,

điều tra xã hội học tại một số địa phương là địa bàn sinh sống của người Tày, xin ý kiến chuyên gia, những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng của người Tày. Khảo sát định lượng được thực hiện với 500 phiếu hỏi vào năm 2024 ở các tỉnh Tuyên Quang và Bắc Kạn<sup>1</sup>. Dựa trên kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, vùng Đông Bắc gồm bốn tỉnh có dân số người Tày chiếm khoảng 1/4 dân số toàn tỉnh là: Tuyên Quang (205.624/784.811 người, chiếm 26,20% dân số toàn tỉnh), Bắc Kạn (165.055/311.905 người, chiếm 52,58% dân số), Cao Bằng (216.577/530.340 người, chiếm 40,84% dân số) và Lạng Sơn (282.014/781.655 người, chiếm 36,08% dân số). Trong các công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng của người Tày trước đây thường được đặt bên cạnh người Nùng. Vì vậy, khi tác giả nghiên cứu tỷ lệ giữa người Tày và người Nùng ở bốn tỉnh cho thấy, Tuyên Quang có tỷ lệ người Tày lớn hơn rất nhiều so với người Nùng, 205.624/16.902 người, cứ một người Nùng thì có hơn 12 người Tày. Tiếp đến là Bắc Kạn 165.055/28.709 người, cứ một người Nùng thì có khoảng 5,8 người Tày. Tỉnh Cao Bằng không có sự chênh lệch lớn giữa người Tày và người Nùng: 216.577/158.114 người, trung bình một người Nùng có khoảng 1,37 người Tày. Lạng Sơn là tỉnh duy nhất có tỷ lệ người Tày ít hơn người Nùng: 282.014/335.316 người, cứ một người Nùng thì chỉ có 0,84 người Tày (Tổng cục Thống kê, 2020). Từ kết quả trên cho thấy, tỉnh Bắc Kạn và Tuyên Quang là hai tỉnh có cơ cấu dân số nghiêng mạnh về người Tày; đây cũng chính là một trong những cơ sở để tác giả chọn tỉnh Tuyên Quang và Bắc Kạn là địa bàn khảo sát nghiên cứu chính.

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Bộ phận người Tày gốc

Trong các công trình nghiên cứu của các học giả phương Tây, đặc biệt là các nhà dân tộc học Pháp trong thời kỳ thuộc địa, thuật ngữ “Thổ” thường được sử dụng để chỉ các cộng đồng cư dân sinh sống lâu đời ở vùng Việt Bắc, nhằm phân biệt với người Thái cư trú ở khu vực Tây Bắc. Tuy nhiên, cách gọi này mang nặng tính hành chính, yếu tố thực dân và thiếu cơ sở khoa học. Thực chất, Thổ chỉ có nghĩa là “thổ dân”, tức cư dân tại chỗ, chứ không phải là tộc danh phản ánh bản sắc dân tộc của người Tày (Lã Văn Lô, 1964, tr. 46). Việc đồng nhất Thổ với người Tày đã dẫn đến nhiều ngộ nhận trong việc nhận diện lịch sử tộc người, thậm chí làm mờ đi quá trình hình thành nội sinh của cộng đồng này.

Người Tày có quá trình cư trú liên tục, lâu dài tại vùng Đông Bắc Việt Nam, hình thành trên cơ sở cư dân sinh sống lâu đời, gắn liền với không gian lịch sử - văn hóa của khu vực này, khác với các nhóm Tày - Nùng di cư muộn từ phía Bắc xuống trong những thời kỳ lịch sử sau. Việc xác định rõ bộ phận người Tày tại chỗ không chỉ có ý nghĩa trong việc làm sáng tỏ nguồn gốc tộc người, mà còn góp phần lý giải những đặc trưng văn hóa, xã hội và tín

<sup>1</sup> Sau ngày 01/7/2025, tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên được sáp nhập thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh mới, giữ tên là tỉnh Thái Nguyên theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong bài viết này, địa danh “tỉnh Bắc Kạn” vẫn được tác giả sử dụng nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống tư liệu, tài liệu nghiên cứu đã công bố trước đây, đồng thời tạo thuận lợi cho việc xác định không gian nghiên cứu về dân tộc Tày trong vùng Đông Bắc Việt Nam.

ngưỡng mang tính dân gian sâu sắc của cộng đồng người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam hiện nay. Người Tày và Nùng thường tụ cư ở các thung lũng là chính, còn sườn núi dốc là của người Dao và trên đỉnh núi cao là nơi sinh sống của người Hmông (Mông). Đặc trưng sinh thái tộc người này đã hình thành từ nghìn năm, do đó chúng ta có thể gọi người Tày, Nùng là các tộc người sống ở vùng thung lũng, phân biệt với các tộc người sinh sống ở rẻo giữa và rẻo cao (Ngô Đức Thịnh, 2021).

Các nhà nghiên cứu người Nga như N. N. Trebócsxaróp, Its, Kriucóp trên cơ sở nghiên cứu liên ngành Dân tộc học, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học đã chứng minh quê hương sớm nhất của cư dân nói ngôn ngữ Thái - Choang (hay Cháng) là vùng Lưỡng Quảng, Trung Quốc và phụ cận, trong đó có vùng Việt Bắc Việt Nam (Hà Đình Thành và cộng sự, 2010, tr. 27).

Các nhà nhân học và khảo cổ học cho rằng, người Tày, Nùng, Thái cũng như người Việt, Mường đều thuộc loại hình đầu ngắn, trong đại chủng tộc Anhdônêdiêng. Đại chủng tộc này sinh sống trong một khu vực rộng lớn bao gồm miền Hoa Nam, Trung Quốc, từ phía nam sông Dương Tử trở xuống Việt Nam, Lào, Campuchia. Các sử gia Trung Quốc gọi đại chủng tộc người này là Việt tộc (Bách Việt). Sử sách, thư tịch, gia phả của các dòng họ hầu hết đều ghi chép là người Tày, Nùng, Thái có nguồn gốc ở miền Hoa Nam, Trung Quốc di cư xuống miền Bắc Việt Nam trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, đặc biệt là sau cuộc thiên di lớn vào thế kỷ thứ IV và III trước Công nguyên. Cũng có quan điểm cho rằng, có thể có những bộ phận Tày, Nùng, Thái định cư ở miền Bắc Việt Nam sớm hơn, vì Việt Nam nằm trong khu vực người Anhdônêdiêng là tổ tiên của người Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác, những cuộc di cư từ phương Bắc chỉ làm tăng thêm các thành phần dân cư cùng một quan hệ huyết thống và lịch sử (Lã Văn Lô, 1964). Các phát hiện khảo cổ học của các nhà nghiên cứu trong nhiều thập kỷ gần đây đã cung cấp những bằng chứng quan trọng về sự hiện diện sớm của con người ở vùng Đông Bắc Việt Nam, nhưng chưa thể khẳng định được đó là tổ tiên của người Tày cổ. Sử sách mới chỉ ghi chép được những sự kiện về sau này.

Theo các sử sách Trung Quốc, về thời Chu Tần, các dân tộc thuộc ngôn ngữ Tày - Thái gọi chung là Bách Việt (gồm nhiều cộng đồng người khác nhau); thời Tần về sau có tên gọi là Tây Âu, Lạc Việt; thời Lưỡng Hán có tên gọi là Ô Hử; thời Nam Bắc triều có tên là Lý, Lạc, Lang; thời Tống xuất hiện các tên gọi như Thổ, Cháng và đến thời nhà Minh thì tên Cháng (thuộc ngôn ngữ Tày - Thái) trở thành phổ biến. Dẫn theo Lã Văn Lô và cộng sự (1968), nhận định của L. Ôrutexô cho rằng: người Thái (các dân tộc thuộc ngôn ngữ Tày - Thái) là một bộ phận của người Bách Việt đã định cư lâu đời trên sông Dương Tử vào khoảng thế kỷ V trước Công nguyên đã thành lập một vương quốc rất phồn vinh là nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn. Năm 333 trước Công nguyên, nước Việt bị nước Sở diệt vong, nhiều bộ phận người Bách Việt tràn xuống miền Nam thành lập những vương quốc nhỏ như Việt Đông Hải, Mân Việt, Nam Việt, Tây Âu, Lạc Việt. Khoảng năm 221 trước Công nguyên, hầu hết đất đai của người Việt đều bị nhà Tần chinh phục và bị Hán hóa. Riêng Tây Âu và Lạc Việt (tổ tiên của người Tày, Nùng, Cháng, Thái, Việt...) đã chiến thắng quân Tần xâm lược và thành lập những

vương quốc độc lập. Còn theo H. Macnefơ và L. Bơzaxiê, bộ phận người Thái di cư khoảng thế kỷ IV, III trước Công nguyên, từ lưu vực sông Dương Tử xuống miền Bắc Việt Nam bằng con đường Lưỡng Quảng, dọc theo thung lũng sông Kỳ Cùng và Bằng Giang, đã hình thành các dân tộc Tày, Nùng ở Đông Bắc Việt Nam. Vậy, người Tày có phải cư dân lâu đời hay di cư từ phương Bắc tới? Vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu sâu thêm. Nhưng có một điều chắc chắn rằng, ít nhất từ thiên niên kỷ cuối cùng trước Công nguyên, ở miền Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam đã là địa bàn cư trú của người Tây Âu, Lạc Việt - tổ tiên của người Cháng, Thái, Việt... và nhiều dân tộc khác, trong đó có người Tày (Lã Văn Lô và cộng sự, 1968).

La Công Ý cho rằng, người Tày - Thái cổ đã có mặt ở vùng Đông Bắc Việt Nam từ rất sớm, có thể từ nửa cuối thiên niên kỷ thứ I trước Công nguyên. Trải qua quá trình lịch sử phát triển lâu dài hàng nghìn năm, chịu sự ảnh hưởng nhất định từ các dân tộc khác nhau cùng sinh sống, họ dần bị phân hóa và trở thành những bộ phận cư dân khác nhau (La Công Ý, 2010, tr. 23).

Trình Năng Chung và cộng sự khi nghiên cứu về mộ Tày cổ Pù Quân - Heo Uẩn (Na Hang, Tuyên Quang), dựa trên các dữ liệu khảo cổ học, số liệu điều tra dân số, địa danh các thôn ở xã Trưng Khánh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và tài liệu dân tộc học cho rằng, chủ nhân “khu mộ táng cổ khai quật ở Pù Quân - Heo Uẩn là đồng bào Tày cổ đã từng sinh sống lâu đời ở khu vực này” (Trình Năng Chung và cộng sự, 2009, tr. 38). Những kết quả nghiên cứu trên cũng đưa ra một số thông tin về sự xuất hiện của người Tày - một trong những cư dân tại chỗ, chiếm số lượng phổ biến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và vùng Đông Bắc Việt Nam.

Các nghiên cứu về địa danh học cho thấy nhiều tên gọi bản, làng, sông, suối và địa hình ở những khu vực có người Tày sinh sống mang nguồn gốc từ tiếng Tày cổ. Những yếu tố ngôn ngữ phổ biến như *nà* (ruộng, thung lũng), *khuổi* (suối nhỏ) và *nặm* (nước) xuất hiện rộng rãi trong hệ thống địa danh của vùng Đông Bắc Việt Nam. Chẳng hạn, tại tỉnh Cao Bằng có nhiều địa danh như Nà Đuốc, Nà Loòng, Nà Niền..., trong khi các địa danh hành chính mang âm Hán - Việt thường xuất hiện muộn hơn trong tiến trình lịch sử (Nguyễn Thị Hải, 2011, tr. 17-18). Tương tự, tại Thái Nguyên, nhiều thôn/xóm thuộc xã Chợ Rã vẫn mang tên gọi có nguồn gốc từ tiếng Tày như Nà Ché, Nà Tạ, Khuổi Mòn, Nà Hán, Nà Săm, Khuổi Slun (UBND tỉnh Thái Nguyên, 2025). Những tên gọi này tiếp tục được duy trì trong hệ thống địa danh địa phương ngay cả sau khi đơn vị hành chính có sự điều chỉnh tại thời điểm 01/7/2025. Kết quả điền dã của tác giả năm 2025 tại một số địa phương thuộc tỉnh Tuyên Quang cũng ghi nhận nhiều địa danh mang yếu tố ngôn ngữ Tày như Đồng Ca, Đồng Vịnh, Đồng Tàn, Đồng Nhật, Đồng Quảng (xã Hàm Yên); Nà Nghè, Khuổi Xoan, Nà Chúc, Nà Khau, Nà Mè (xã Minh Quang); hay khu vực Nà Hang. Phần lớn các thôn, bản này nằm ở các thung lũng và vùng chân núi thuận lợi cho canh tác lúa nước - môi trường cư trú truyền thống của người Tày. Những kết quả điền dã của tác giả trong các năm 2024 - 2025 tại một số địa phương thuộc các tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên và Cao Bằng cũng

củng cố nhận định về sự tồn tại phổ biến của lớp địa danh có nguồn gốc tiếng Tày trong khu vực. Điều này phản ánh quá trình cư trú lâu dài và tương đối ổn định của cộng đồng người Tày trong không gian văn hóa Đông Bắc.

Từ các cứ liệu liên ngành như sinh thái tộc người, lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học/nhân học và ngôn ngữ học, kết hợp với kết quả điền dã của tác giả, có thể nhận định rằng người Tày tại chỗ ở vùng Đông Bắc Việt Nam là một bộ phận cư dân thuộc khối Bách Việt cổ, có lịch sử cư trú lâu đời và tương đối liên tục trong khu vực này. Quá trình hình thành cộng đồng người Tày hiện nay phản ánh sự phát triển nội sinh kéo dài qua nhiều thế kỷ, đồng thời chịu tác động của các quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa và di cư trong những bối cảnh lịch sử khác nhau. Việc nhận diện rõ thành phần người Tày tại chỗ không chỉ góp phần làm sáng tỏ lịch sử tộc người, mà còn cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để hiểu sâu hơn về vị trí, vai trò và những biến đổi của cộng đồng người Tày trong tiến trình lịch sử - văn hóa của Việt Nam.

### **3. Bộ phận người Kinh chuyển hóa sang Tày**

Xét về mối quan hệ văn hóa, dân tộc, người Tày có mối quan hệ gần gũi với dân tộc Nùng, Thái, Mường bởi các tộc người này đều đại diện cho nền văn hóa thung lũng, còn với dân tộc Việt (Kinh) tuy không cùng nguồn gốc và điều kiện sinh thái nhưng có quá trình lịch sử lâu dài để hòa huyết và đồng hóa lẫn nhau. Những truyền thuyết có nhiều dấu vết văn hóa, ngôn ngữ của người Việt hiện đại cho thấy sự tiếp xúc giữa người Việt và người Tày từ rất sớm, có thể từ thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc. Các tài liệu lịch sử và những công trình văn hóa đã chứng minh sự hòa nhập giữa người Tày cổ và người Việt cổ hoặc ngược lại, trong các giai đoạn sau, cũng có sự hòa nhập của người Việt vào diện mạo của cộng đồng người Tày hiện đại.

Từ thời Lý, Trần, triều đình phong kiến đã phái quan lại miền xuôi lên vùng Đông Bắc để Trấn thủ các địa phương. Những người này mang cả họ hàng lên chiêu dân lập ấp và trở thành quý tộc địa phương; lâu dần con cháu đồng hóa với người Tày tại chỗ, thành người Tày gốc người Kinh. Họ được quyền thế tập, cha truyền con nối cai trị ở các địa phương này. Trải qua quá trình lịch sử hàng nghìn năm, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Trương Hữu Quỳnh (chủ biên, 2008, tr. 132) đã nhắc đến sự kiện năm 1082, Lý Nhân Tông gả công chúa Khâm Thánh cho mục châu Vị Long (Chiêm Hóa, Tuyên Quang) là Hà Hưng Tông. Giữa thế kỷ XII, Dương Tự Minh, tù trưởng người Tày ở phủ Phú Lương (lấy công chúa Thiệu Dung) cũng là trung thần của nhà Lý. Đời Trần Hiếu Tôn (1328 - 1341), Nguyễn Công Ngân (quê Nghệ An) được cử lên cai trị châu Thất Nguyên (Tràng Định, Lạng Sơn), sau đó người em Nguyễn Thánh Du kế tục cai trị để lại dòng họ Nguyễn Công, Nguyễn Khắc ngày nay ở vùng Thất Khê, Lạng Sơn. Năm 1432, Vi Phúc Hân, quê ở Nghệ An được phái lên Lạng Sơn đánh giặc ở châu Lộc Bình, nay để lại dòng họ Vi (Lã Văn Lô, 1964, tr. 52). Sang thế kỷ XV, Đại Quận Công Nông Đại Bảo ở Na Rì, Bắc Kạn vốn gốc người Kinh, họ Nguyễn ở Nghệ An lên trấn ải từ năm Giáp Tý (1445) đời Vua Lê Nhân Tông, sau hóa đổi sang họ Nông. Theo thống kê, người Tày họ Nguyễn gốc Kinh ở xã Kim Hỷ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn chiếm tới 80% hộ

Tày; tại xã Tiên Thanh, huyện Phục Hòa, Cao Bằng, người Tày họ Đinh gốc Kinh chiếm 90% số hộ Tày (Nguyễn Thị Yên, 2009, tr. 35). Khi nghiên cứu về lịch sử tộc người Tày ở tỉnh Cao Bằng, Đàm Thị Uyên cũng nhận định rằng, Tày Thổ ty (tên gọi theo nhà Nguyễn) hay Tày Phiên thân là con cháu các công thần triều Lê, được điều lên trấn ải biên cương, sau đó phân phong thế tập cai quản địa phương và nối đời giữ đất Cao Bằng. Dưới triều đại nhà Nguyễn, đã cử những quan lại trung kiên lên trấn giữ ở các khu vực biên giới Việt - Trung, tiêu biểu là trường hợp ông tổ họ Nguyễn ở đất Phương Coon (Bình Quận, xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng) là Nguyễn Khánh Vinh vào năm 1802 - 1803, phụng lệnh vua Gia Long lên trấn ải phía Bắc, ghi rõ quê quán là “Tại Đình Bảng thành Bắc cổ hương” (Đàm Thị Uyên, 2012, tr. 23).

Do sự tranh chấp giữa các thế lực phong kiến, một số nhóm người Kinh đã dựa vào người dân miền núi vùng Đông Bắc để xây dựng lực lượng cát cứ, về sau suy vi, mai một, phải thay đổi họ tên, sống hòa hợp với cư dân người Tày tại chỗ. Sự kiện lịch sử nhà Mạc vào thế kỷ XVI từng lên chiếm cứ vùng Cao Bằng, Tuyên Quang (Thành nhà Mạc - di tích lịch sử nằm giữa thành phố Tuyên Quang được xây dựng năm 1592; những tài liệu về “thất tộc thổ ty”, tức bảy dòng họ thổ ty của người Tày ở Lạng Sơn) là những minh chứng rõ ràng cho quá trình giao lưu và đồng hóa lẫn nhau giữa người Tày và người Kinh. Sau khi nhà Mạc bị đánh bại hoàn toàn thì phần lớn dư đảng, tộc người nhà Mạc có thể lên đến hàng ngàn người đã thay tên, đổi họ để tránh bị truy lùng, tiêu diệt. Họ sống hòa vào các dân tộc thiểu số tại chỗ, song vẫn mang theo những yếu tố văn hóa Việt (Lã Văn Lô và cộng sự, 1968, tr. 29-30). Theo thống kê của Ban liên lạc họ Mạc ở Cao Bằng, 14 chi họ có gốc tích từ con cháu họ Mạc, như họ Mông ở Đức Hồng, Trùng Khánh; họ Ma ở Chí Thảo, Quảng Uyên; họ Bé ở Cao Bình, Hòa An; họ Mạc ở Hà Quảng, Trùng Khánh, Bảo Lạc... (Nguyễn Thị Yên, 2009, tr. 34).

Một bộ phận người Kinh do tránh sự bóc lột nặng nề của chế độ phong kiến chuyên chế đã di cư lên vùng miền núi Đông Bắc sinh sống, lâu ngày trở thành một bộ phận người Tày có nguồn gốc từ người Kinh. Nghiên cứu về một số gia phả dòng họ ở xã Thạch Đạn, Cao Lộc, Lạng Sơn cho thấy có 63/89 gia đình là người Kinh hóa Tày; ở Thôn Phương Tiên, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng có 40/149 gia đình Kinh đã hóa Tày từ 8 - 9 đời (Nguyễn Chí Huyền chủ biên, 2000, tr. 78).

Kết quả khảo sát từ 500 phiếu điều tra cho thấy sự khác biệt nhất định trong thực hành thờ cúng tổ tiên của người Tày: có 73 trường hợp (14,6%) cho biết gia đình thực hiện thờ cúng tổ tiên vào ngày mùng một và ngày rằm hằng tháng, trong khi 202 trường hợp (40,4%) cho biết có tổ chức cúng giỗ. Những kết quả này phần nào phản ánh sự giao lưu và ảnh hưởng văn hóa từ người Kinh, hoặc có thể liên quan đến một bộ phận cư dân Tày có nguồn gốc Kinh trong quá trình cộng cư và tiếp biến văn hóa. Theo truyền thống, người Tày không phổ biến phong tục cúng giỗ theo chu kỳ hằng năm hay thờ cúng tổ tiên vào mùng một và ngày rằm như người Kinh, mà chủ yếu thực hành thờ cúng tổ tiên vào các dịp lễ tết quan trọng trong năm. Kết quả điều tra cũng cho thấy mức độ phổ biến rất cao của các dịp lễ này: Tết Nguyên

đạt 100% các trường hợp, Tết Thanh minh 494 trường hợp (98,8%), rằm tháng Bảy 497 trường hợp (99,4%). Những số liệu trên cho thấy hệ thống nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Tày vẫn duy trì rõ nét trong các dịp tết truyền thống, đồng thời phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa trong bối cảnh giao lưu tộc người tại khu vực Đông Bắc Việt Nam.

#### 4. Bộ phận người Nùng chuyển hóa sang Tày

Người Nùng vừa có thể là những tộc người đã ở Việt Nam từ rất lâu đời mà đại bộ phận đã Tày hóa, vừa là những nhóm di dân mới đến Việt Nam cách đây không lâu nên việc thu thập tư liệu thực địa có phần thuận lợi hơn. Do cộng cư lâu đời trên cùng một vùng lãnh thổ và tiếp xúc thường xuyên với người Tày, một bộ phận người Nùng đã chịu ảnh hưởng văn hóa của người Tày và gia nhập cộng đồng của người Tày. Cho đến nay, ở một số địa phương, nhiều trường hợp vẫn khó phân biệt rạch ròi người Tày và người Nùng. Thế kỷ XVIII, trong sách *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn cho rằng, người Nùng ở Tuyên Quang từ 12 thế kỷ ở Trung Quốc di cư sang. Tuy nhiên, theo các số liệu điều tra dân số những năm 60 của thế kỷ XX, ở tỉnh Tuyên Quang có tới 52.000 người Tày và chỉ còn 1.200 người Nùng. Điều này cho thấy, hiện tượng người Nùng bị Tày hóa là tương đối phổ biến. Xét về nguồn gốc lịch sử qua gia phả các dòng họ từ khoảng 500 - 600 năm trước trở về đây, phần lớn các họ người Tày đều có nguồn gốc Nùng từ Trung Quốc sang, một số từ miền xuôi lên, một phần nhỏ không biết từ đâu đến (Lã Văn Lô, 1964, tr. 51). Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 cho thấy, người Tày ở tỉnh Tuyên Quang có 419.254 người thì người Nùng là 114.849 người (Bộ Dân tộc và Tôn giáo, 2025) cũng một phần minh chứng cho nhận định trên.

Tại một số địa phương ở tỉnh Bắc Kạn (cũ), số dòng họ người Tày có gốc từ Quảng Tây (Trung Quốc) đến chiếm tới 50% số hộ người Tày của một xã như: xã Mỹ Phương, Yên Dương, Địa Linh của huyện Ba Bể. Ông Lục Văn P., là người Tày xã Phương Nguyên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, tháng 03/1994 đã về Quảng Tây để thử lần tìm quê cũ của tổ tiên tám đời ghi trên gia phả: thôn Pò Tấu, xã Cốc Lai, phủ Thái Bình (Nguyễn Thị Yên, 2009, tr. 37). Tại Tuyên Quang, qua phỏng vấn ông H.V.K là người có uy tín trong dòng họ cho biết: “Dòng họ nhà tôi có nguyên quán là Đại Thanh Quốc, Quảng Tây tỉnh, Tả Giang Đạo Chấn An phủ, Hương Vũ chấn, Nại Giáp Hạ Công thôn. Theo gia phả thì ở bên Trung Quốc có khoảng 10 đời, sau đó sang Việt Nam hiện nay cũng khoảng 10 đời; đời thứ hai trưởng nam, ghi rõ sinh năm 1828 và mất năm 1904” (PVS, nam, dân tộc Tày, 88 tuổi, làm nông nghiệp, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, 2025). Một trường hợp khác cho biết, trong gia phả dòng họ cũng ghi rõ địa danh quê hương tương tự như dòng họ ông H.V.K nhưng khác thôn. Thông tin ghi chép tại thực địa này phù hợp với các kết quả điền dã trước đó của các nhà nghiên cứu tại các vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, cho rằng: người Nùng di cư vào Việt Nam ước độ chín, mười đời trở xuống đến bốn, năm đời, vào khoảng trên dưới 300 năm (Lã Văn Lô, 1964, tr. 50). Nghiên cứu điền dã của tác giả về tang ma người Tày ở xã Hàm Yên và xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2019 đến năm 2025 cho thấy: tang

ma người Tày ở xã Hàm Yên tiến hành theo hình thức ma tươi, quần thi thể trong nhà khi tiến hành các nghi lễ; người chủ trì nghi lễ chính là thầy tào (Đạo công, chữ *tào* ở đây được hiểu là Đạo trong Đạo giáo), sách cúng bằng chữ Nho (đọc theo âm Hán). Chữ Nho được coi trọng, dùng để viết câu đối, đại tự trang trí bàn thờ, bài vị, sớ; tang ma làm theo hướng dẫn của sách, tuân theo khuôn phép, chuẩn mực,... Những điều này minh chứng rằng đây là bộ phận người Tày gốc Nùng hoặc chịu ảnh hưởng của văn hóa người Nùng. Còn ở xã Minh Quang lại theo hình thức làm ma khô, tức đưa thi thể đi chôn trước sau đó tiến hành nghi lễ tang ma. Người chủ trì nghi lễ khâm liệm, nhập quan... đến đưa xác chết đi chôn chứ không phải thầy mo hay thầy tào mà là những người có uy tín trong làng/bản. Khi làm ma khô, đồng bào mới mời thầy mo đến chủ trì theo sách cúng và nghi thức truyền thống. Sách cúng đọc theo âm tiếng Tày, mang yếu tố shaman giáo, nghi lễ mang đậm tính chất tín ngưỡng dân gian.

### 5. Một số vấn đề thảo luận

*Thứ nhất*, về nhận diện nguồn gốc tộc người. Các cứ liệu từ lịch sử, khảo cổ học, địa danh học và dân tộc học cho thấy người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam có lịch sử cư trú lâu dài và liên tục, phản ánh quá trình phát triển nội sinh của một bộ phận cư dân đã sinh sống ổn định tại khu vực này từ rất sớm. Tuy nhiên, trong không ít công trình nghiên cứu trước đây, bộ phận cư dân Tày tại chỗ thường bị hòa lẫn với các nhóm Tày - Nùng di cư trong những giai đoạn lịch sử muộn hơn, hoặc bị quy giản dưới thuật ngữ “Thổ” mang tính phân loại hành chính thời thuộc địa. Cách tiếp cận này phần nào làm mờ đi sự khác biệt về nguồn gốc và quá trình hình thành của các nhóm cư dân trong khu vực. Vì vậy, việc xác lập các tiêu chí khoa học nhằm nhận diện rõ bộ phận người Tày tại chỗ, đồng thời, phân biệt với các nhóm Tày hình thành từ quá trình di cư và đồng hóa, là một yêu cầu cần thiết trong nghiên cứu lịch sử và nhân học tộc người ở vùng Đông Bắc Việt Nam.

*Thứ hai*, về nguồn gốc tại chỗ hay di cư và cách tiếp cận dung hòa. Nội dung nghiên cứu cho thấy, tranh luận về nguồn gốc người Tày (tại chỗ hay di cư từ Hoa Nam) không thể giải quyết bằng cách tiếp cận đơn tuyến. Các chứng cứ khảo cổ học và địa danh học cho thấy sự hiện diện rất sớm của các cộng đồng cư dân thuộc khối Bách Việt ở vùng Đông Bắc, trong khi tư liệu lịch sử và gia phả phản ánh rõ các làn sóng di cư của người Nùng - Choang và người Kinh trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Vấn đề đặt ra là cần nhìn nhận sự hình thành tộc người Tày như một quá trình lịch sử đa tầng, trong đó, các cộng đồng cư dân cư trú lâu đời ở khu vực giữ vai trò nền tảng, còn các yếu tố di cư và tiếp biến văn hóa là những nhân tố bổ sung, góp phần làm phong phú cấu trúc nội tại của cộng đồng người Tày.

*Thứ ba*, hiện tượng Nùng hóa Tày và Kinh hóa Tày như một đặc trưng lịch sử - văn hóa tộc người. Quá trình này diễn ra trong thời gian dài, phản ánh tính mở và khả năng dung nạp cao của văn hóa Tày. Tuy nhiên, sự hòa nhập này cũng dẫn đến việc khó phân biệt ranh giới tộc người trong nhiều trường hợp hiện nay. Điều này đặt ra vấn đề cần tiếp cận tộc người Tày không chỉ dưới góc độ nguồn gốc huyết thống, mà còn phải dựa trên các tiêu chí văn hóa, xã hội và ý thức tự nhận của cộng đồng.

*Thứ tư*, biến đổi tín ngưỡng và dấu vết tiếp biến văn hóa Việt - Tày. Kết quả điều tra định lượng cho thấy, sự xuất hiện của các hình thức thờ cúng tổ tiên theo chu kỳ mừng một, ngày rằm và cúng giỗ - vốn không phải là phong tục truyền thống của người Tày mà phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa với người Kinh. Đây là một chỉ báo quan trọng về sự biến đổi đời sống tín ngưỡng của người Tày trong bối cảnh lịch sử lâu dài và trong điều kiện giao lưu văn hóa ngày càng mạnh mẽ hiện nay.

## KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu nguồn gốc và lịch sử hình thành của người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam là một vấn đề phức tạp, vẫn còn tồn tại nhiều cách tiếp cận và quan điểm khác nhau trong giới học thuật. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp các cứ liệu từ địa lý - lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, cùng với kết quả điều tra thực địa, có thể thấy rằng cộng đồng người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam là kết quả của một quá trình hình thành lâu dài và mang tính phức hợp về lịch sử - văn hóa. Trong tiến trình đó, bộ phận người Tày tại chỗ giữ vai trò nòng cốt, được xem là một thành phần cư dân thuộc khối Bách Việt cổ, có lịch sử cư trú lâu dài gắn với không gian văn hóa Đông Bắc và có đóng góp nhất định trong tiến trình hình thành Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Trên nền tảng cư dân có nguồn gốc lâu đời này, quá trình giao lưu, tiếp xúc và hòa nhập với các nhóm cư dân cùng hệ Tày - Thái ở phía Bắc, đặc biệt là người Nùng, cũng như với người Kinh ở vùng đồng bằng đã làm cho cấu trúc nguồn gốc của cộng đồng người Tày ngày càng đa dạng, đồng thời vẫn duy trì được những đặc trưng văn hóa và bản sắc tộc người tương đối ổn định.

Quá trình Nùng hóa Tày và Kinh hóa Tày diễn ra với những mức độ khác nhau trong nhiều giai đoạn lịch sử, gắn với các làn sóng di cư, chính sách quản lý vùng biên viễn của nhà nước phong kiến và những biến động chính trị - xã hội trong khu vực. Hiện tượng người Kinh hòa nhập vào cộng đồng người Tày không chỉ thể hiện ở sự chuyển đổi tộc danh, mà còn để lại dấu ấn trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng và tổ chức xã hội của người Tày hiện nay, phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Tày và sự tồn tại của một bộ phận người Tày có nguồn gốc Kinh. Do đó, cộng đồng người Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam không phải là một chỉnh thể thuần nhất về nguồn gốc, mà là một cấu trúc tộc người mang tính mở, được hình thành trên cơ sở những cư dân lâu đời kết hợp với các yếu tố di cư và giao lưu văn hóa trong lịch sử. Việc nhận diện các thành phần cấu thành của tộc người Tày không chỉ có ý nghĩa khoa học trong nghiên cứu nguồn gốc và lịch sử tộc người, mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam hiện nay./.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Dân tộc và Tôn giáo. (28/11/2025). *Thông báo: Cập nhật, rà soát Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*. Công

thông tin điện tử Bộ Dân tộc và Tôn giáo. <https://bddtg.gov.vn/thong-bao/thong-bao-cap-nhat-ra-soat-ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-thuc-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2024.htm>

2. Đàm Thị Uyên. (2012). *Phong tục và tín ngưỡng, tôn giáo người Tày ở Cao Bằng*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
3. Hà Đình Thành. (Chủ biên, 2010). *Văn hóa dân gian Tày, Nùng ở Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Huỳnh Công Bá. (2019). *Đặc trưng và sắc thái văn hóa vùng - tiểu vùng ở Việt Nam*. Nxb. Thuận Hóa.
5. La Công Ý. (2010). *Đến với người Tày và văn hóa Tày*. Nxb. Khoa học xã hội.
6. Lã Văn Lô. (1964). Thử bàn về ba bộ tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam đã hình thành như thế nào?. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 60, tr. 46-56.
7. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn. (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
8. Ngô Đức Thịnh. (2021). *Tộc người và văn hóa Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Chí Huyền. (Chủ biên, 2000). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
10. Nguyễn Ngọc Thanh. (Chủ biên, 2018). *Đặc trưng văn hóa vùng Đông Bắc*. Nxb. Khoa học xã hội.
11. Nguyễn Thị Hải. (2011). Vài nét về nguồn gốc người Tày ở Cao Bằng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Số 08, tr. 17-22.
12. Nguyễn Thị Thanh Bình. (2020). Dân tộc Tày. Trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập 2: nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai* (Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa, bổ sung) (tr. 19-120). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
13. Nguyễn Thị Yên. (2009). *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*. Nxb. Khoa học xã hội.
14. Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb. Thống kê.
15. Trình Năng Chung, Phạm Như Hồ. (2009). Mộ Tày cổ Pù Quân - Heo Uẩn (Nà Hang, Tuyên Quang). *Tạp chí Khảo cổ học*, Số 2, tr. 26-40.
16. Trương Hữu Quỳnh. (Chủ biên, 2008). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I. Nxb. Giáo dục.
17. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. (2025). *Quyết định phê duyệt danh sách các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030* (số 2749/QĐ-UBND).